

I. Trắc nghiệm:

Câu 1: Khi nói đến những thuận lợi của doanh nghiệp nhỏ, phát biểu **không đúng** là

- A. dễ dàng đổi mới công nghệ. B. trình độ quản lý thiếu chuyên nghiệp  
C. tổ chức hoạt động kinh doanh linh hoạt. D. dễ quản lý chặt chẽ và hiệu quả

Câu 2: Khi nói về các căn cứ xác định lĩnh vực kinh doanh, phát biểu không đúng là

- A. Đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp.  
B. Thị trường không có nhu cầu.  
C. Hạn chế thấp nhất những rủi ro đến với doanh nghiệp.  
D. Huy động có hiệu quả mọi nguồn lực của doanh nghiệp.

Câu 3: Ở trung tâm thành phố, nên lựa chọn lĩnh vực kinh doanh

- A. sản xuất nông nghiệp B. sản xuất rau sạch. C. thương mại. D. thương mại, dịch vụ.

Câu 4: Nơi diễn ra các hoạt động mua, bán hàng hóa hoặc dịch vụ, nơi gặp gỡ giữa người bán và người mua được gọi là

- A. kinh doanh. B. công ti. C. cơ hội kinh doanh. D. thị trường.

Câu 5: Thị trường của doanh nghiệp gồm có

- A. khách hàng hiện tại và khách hàng tiềm năng  
B. khách hàng hiện tại và khách hàng thường xuyên trao đổi với doanh nghiệp.  
C. khách hàng nước ngoài.  
D. khách hàng mà doanh nghiệp có khả năng phục vụ và họ sẽ đến với doanh nghiệp.

Câu 6: Nhu cầu làm giàu cho bản thân và có ích cho xã hội... là một trong những khởi đầu cho

- A. cơ hội kinh doanh. B. lĩnh vực kinh doanh.  
C. thị trường kinh doanh. D. ý tưởng kinh doanh.

Câu 7: Lĩnh vực sản xuất gồm các loại hình

- A. sản xuất tiểu thủ công nghiệp,  
B. sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.  
C. sản xuất dịch vụ, nông nghiệp, thương mại.  
D. sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ internet.

Câu 8: Việc kinh doanh mở đại lý bán hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh nào sau đây?

- A. Sản xuất nông nghiệp B. Dịch vụ. C. Thương mại. D. Sản xuất công nghiệp

Câu 9: Một tổ chức kinh tế được thành lập nhằm mục đích chủ yếu là thực hiện các hoạt động kinh doanh được gọi là gì?

- A. Công ty. B. Doanh nghiệp. C. Xí nghiệp. D. Hợp tác xã.

Câu 10: Phân tích môi trường kinh doanh giúp doanh nghiệp phát hiện được những ..(I).. còn có ..(II).. để có thể phát triển kinh doanh. Các từ (cụm từ) ở vị trí (I) và (II) tương ứng là

- A. (I) nhu cầu; (II) ít khách. B. (I) loại hình (II) hạn chế.  
C. (I) loại hình (II) ít khách. D. (I) lĩnh vực; (II) tiềm năng.

**II. Tự luận:**

Câu 1: Trình bày những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp nhỏ, Phân tích các lĩnh vực kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp nhỏ?

Câu 2: phân tích các nội dung lập kế hoạch kinh doanh? Minh họa.

I. Trắc nghiệm:Câu 1: Thị trường nào sau đây thuộc thị trường hàng hóa?

- A. Hàng điện máy, nông sản, vật tư nông nghiệp.      B. Hàng điện máy, du lịch, nông sản.  
C. Du lịch, vận tải, bưu chính viễn thông.      D. Hàng điện máy, vận tải, nông sản

Câu 2: Bưu chính viễn thông thuộc loại hình kinh doanh nào sau đây?

- A. Dịch vụ      B. Thương mại.      C. Sản xuất nông nghiệp      D. Sản xuất công nghiệp.

Câu 3: Cho các phát biểu sau:

(I) Vốn kinh doanh lớn (&gt;30 tỉ);

(II) Qui mô nhỏ

(III) Doanh thu lớn

(IV) Lao động là thân nhân trong gia đình

(V) Sở hữu tư nhân

(IV) Công nghệ kinh doanh đơn giản.

Có bao nhiêu đặc điểm là của kinh doanh hộ gia đình?

- A. 3      B. 2      C. 4      D. 5

Câu 4: Lĩnh vực kinh doanh phù hợp là lĩnh vực kinh doanh cho phép doanh nghiệp thực hiện ..(I).., phù hợp với ..(II).. và không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Các từ (cụm từ) ở vị trí (I), (II) tương ứng là

- A. (I) việc buôn bán, (II) pháp luật.      B. (I) việc buôn bán, (II) doanh nghiệp.  
C. (I) mục tiêu kinh doanh, (II) pháp luật.      D. (I) mục tiêu kinh doanh, (II) doanh nghiệp

Câu 5: Nhu cầu của khách hàng **không** phụ thuộc vào

- A. nhu cầu tiêu dùng hàng hóa.      B. khả năng của doanh nghiệp  
C. giá cả hàng hóa trên thị trường.      D. thu nhập bằng tiền bình quân đầu người của dân cư.

Câu 6: Ở nông thôn nên lựa chọn lĩnh vực kinh doanh

- A. Sản xuất nông nghiệp      B. Sản xuất công nghiệp      C. Dịch vụ      D. Thương mại

Câu 7: Lĩnh vực sản xuất gồm các loại hình

- A. sản xuất dịch vụ, nông nghiệp, thương mại.      B. sản xuất tiểu thủ công nghiệp,  
C. sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.  
D. sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ internet.

Câu 8: Gia đình em một năm sản xuất được 45 tấn thóc, số thóc để ăn là 0,5 tấn, số thóc để giống là 1 tấn.

Mức bán sản phẩm ra thị trường của gia đình em là bao nhiêu?

- A. 44,5 tấn      B. 42,5 tấn      C. 43,5 tấn      D. 40,5 tấn

Câu 9: Khi nói về các căn cứ xác định lĩnh vực kinh doanh, phát biểu không đúng là

- A. Thị trường không có nhu cầu.  
B. Đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp.  
C. Hạn chế thấp nhất những rủi ro đến với doanh nghiệp.  
D. Huy động có hiệu quả mọi nguồn lực của doanh nghiệp.

Câu 10: Doanh nghiệp có chủ là một cá nhân là

- A. Doanh nghiệp nhà nước      B. Doanh nghiệp tư nhân      C. Hợp tác xã.      D. Công ty.

II. Tự luậnCâu 1: Trình bày và phân tích các bước tiến hành khi lựa chọn lĩnh vực kinh doanh? Cho 1 VD minh họa.Câu 2: Phân tích các căn cứ để lập kế hoạch kinh doanh?

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6Đ)****Câu 1:** Đầu không phải là đặc điểm của mô hình cấu trúc DNN:

- A. Quyền quản lý tập trung vào một người
- B. Ít đầu mỗi quản lý
- C. Phân chia theo chức năng chuyên môn.
- D. Dễ thích nghi với những thay đổi của môi trường kinh doanh.

**Câu 2:** Việc phân chia nguồn lực của doanh nghiệp không bao gồm:

- A. Trang thiết bị, máy móc
- B. Nhân lực
- C. Vốn của chủ doanh nghiệp
- D. Tài chính

**Câu 3:** Quy trình lựa chọn cơ hội kinh doanh gồm bao nhiêu bước:

- A. 5      B. 6      C. 7      D. 8

**Câu 4:** Ý nghĩa của hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp là:

- A. Góp phần thực hiện được mục tiêu của doanh nghiệp
- B. Biến các kế hoạch của doanh nghiệp thành những kết quả thực tế
- C. Liên quan đến sự thành bại của doanh nghiệp
- D. Giúp chủ doanh nghiệp có biện pháp điều chỉnh hoạt động kinh doanh phù hợp

**Câu 5:** Nội dung lựa chọn cơ hội kinh doanh gồm:

- A. Xác định lĩnh vực kinh doanh
- B. Xác định khả năng và nguồn lực của doanh nghiệp
- C. Xác định vì sao nhu cầu khách hàng chưa được thỏa mãn
- Xác định nhu cầu tài chính cho từng cơ hội kinh doanh

**Câu 6:** Một lí do hạn chế sự sáng tạo của lao động trong doanh nghiệp nhỏ là:

- A. Vốn ít
- B. Trình độ quản lý thiếu chuyên nghiệp
- C. Thiếu thông tin thị trường
- D. Trình độ lao động thấp

**Câu 7:** Gia đình chị H kinh doanh quýt điện, mỗi ngày bán được 10 cái. Như vậy kế hoạch mua gom mặt hàng mỗi năm đủ để bán ra là:

- A. 3000 cái      B. 3650 cái      C. 2000 cái      D. 300 cái

**Câu 8:** Sử dụng lao động linh hoạt là:

- A. Sử dụng lao động là thân nhân, một lao động làm nhiều việc
- B. Một lao động làm nhiều việc
- C. Mỗi lao động làm một việc
- D. Có thể thay đổi lao động được

**Câu 9:** Chỉ tiêu nào sau đây phản ánh quy mô của doanh nghiệp:

- A. tỷ lệ sinh lời      B. Lợi nhuận      C. Doanh thu      D. Mức giảm chi phí

**Câu 10:** Gia đình em 1 năm sản xuất được 30 tấn thóc, số giống để ăn là 1 tấn, số giống để làm giống là 1,5 tấn. Vậy mức sản phẩm bán ra thị trường của gia đình em là:

- A. 27,5 tấn      C. 28,5 tấn.      B. 29 tấn      D. 27 tấn

**Câu 11:** Doanh nghiệp nhỏ có những thuận lợi là:

- A. Dễ dàng đầu tư đồng bộ.
- B. Trình độ lao động cao.
- C. Quản lý chặt chẽ và hiệu quả.
- D. Trình độ quản lý chuyên nghiệp.

**Câu 12:** Doanh nghiệp được phép phát hành cổ phiếu là:

- A) Doanh nghiệp tư nhân      B) Doanh nghiệp nhà nước

D) Công ty cổ phần

**Câu 13:** Công thức: doanh số bán hàng(dịch vụ) chia cho định mức lao động của một người dùng để tính kế hoạch:

A. Số hàng cần bán.      B. Số hàng mua.      C. Số lao động cần sử dụng.      D. Số lao động hiện tại.

**Câu 14:** Công thức: Mức bán kế hoạch  $\pm$  nhu cầu dự trữ hàng hóa dùng để tính kế hoạch:

A. Sản xuất.      B. Tiêu thụ.      C. Bán hàng.      D. Mua hàng.

**Câu 15.** Đây là căn cứ xác định lĩnh vực kinh doanh:

## B) Nguồn vốn của doanh nghiệp

D) Hạn chế hoàn toàn rủi ro đến doanh nghiệp

**Câu 16. Ông cha ta có câu “phi thương bất phú”, nghĩa là:**

### B. Không giàu không kinh doanh

### D. Muốn giàu thì phải làm kinh doanh

**Câu 17:** Các ngành sản xuất là:

A. Công nghiệp. B. Nông nghiệp. C. Tiểu thủ công nghiệp. D. Tất cả đều đúng.

**Câu 18:** Công thức: Năng lực sản xuất 1 tháng nhân số tháng là công thức tính kế hoạch:

A. Sản xuất.      B. Vốn kinh doanh.      C. Mua hàng.      D. Bán hàng.

**Câu 19:** Một doanh nghiệp X có năng lực sản xuất 8000 sản phẩm/tháng. Vậy kế hoạch sản xuất 1 năm của doanh nghiệp X là:

B. 1600 sản phẩm.

D. 80000 sản phẩm.

**Câu 20.** Có mấy căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp:

B. 5

D. 7

**Câu 21:** Vốn điều lệ của công ty cổ phần được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là:

B. Cỗ đông.

D. CỒ<sup>2</sup> tức.

**Câu 22:** Nhu cầu thị trường thể hiện ở chỗ:

### A. Nhu cầu của khách hàng

### B. Nhu cầu bán hàng

### C. Đơn đặt hàng

**D. Đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa**

**Câu 23:** Nghiên cứu thi trường nhằm mục đích:

## B. Xác định nhu cầu khách hàng

#### D. Taọt cây ủaò ủaưng

**Câu 24:** Một lí do hạn chế sự sáng tạo của lao động trong doanh nghiệp nhỏ là:

### B. Trình độ quản lý thiếu chuyên nghiệp

#### D. Trình độ lao động thấp

## II. PHẦN TỰ LUẬN (4Đ)

Công ty D kinh doanh các mặt hàng nông sản (rau, củ quả và gạo). Mỗi tháng công ty bán ra 60 tấn gạo với giá là 15 triệu đồng một tấn và thu được 250 triệu đồng từ rau, củ quả.

Ngoài ra công ty còn kinh doanh những mặt hàng lương thực chế biến sẵn (đồ hộp,...) và thu được 80% so với doanh thu của mặt hàng gạo và 60% so với doanh thu của rau, củ quả. Biết công ty đã chi những nội dung sau đây:

- Gạo: 10.000.000/tấn
- Rau, củ quả: 170.000.000/tháng
- Thuế gạo bằng 10% doanh thu gạo và thuế rau, củ quả bằng 50% của thuế gạo, thuế lương thực chế biến bằng tổng thuế nông sản.
- Bốc vác : 5.000.000/1 người/1 tháng (Có 10 người bốc vác)
- Xe vận chuyển cho 1 tháng bằng 1.5% doanh thu của gạo.
- Điện, nước: 2.500.000/tháng.

- Quản lí: 7.500.000/1 người/1 tháng (Có 3 quản lí)
- Chi tiêu lật vật: 2.000.000/tháng
- Hoa hồng: 5% tổng tất cả doanh thu

Câu hỏi:

- Em hãy tính hạch toán kinh tế cho một quý của công ti đó.
- Cho biết công ty đã lời hay lỗ bao nhiêu phần trăm (%) so với doanh thu?

----- HẾT -----

|                                  |                                                        |
|----------------------------------|--------------------------------------------------------|
| <b>uigeli.xyz</b><br><b>ĐỀ 4</b> | <b>ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ II</b><br><b>Môn: CÔNG NGHỆ 10</b> |
|----------------------------------|--------------------------------------------------------|

- Câu 1 :** Trong các biện pháp sau, biện pháp nào không phải là biện pháp kĩ thuật trong phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng :
- A. Sử dụng giống cây trồng chống chịu sâu bệnh      B. Bón phân hợp lý  
C. Cây bừa      D. Tiêu hủy tàn dư cây trồng
- Câu 2 :** Mục đích của trồng cây khỏe
- A. Tăng sức đề kháng cho cây      B. Tiêu diệt sâu bệnh  
C. Tạo sự cân bằng sinh thái      D. Tăng năng xuất cây trồng
- Câu 3 :** Thuốc hóa học bảo vệ thực vật ảnh hưởng đến con người :
- A. Gây bệnh ung thư      B. Tồn dư trong sản phẩm nông, thủy sản gây ngộ độc cho con người  
C. Gây ngộ độc, bệnh hiểm nghèo      D. Gây ô nhiễm môi trường
- Câu 4 :** Khi thuốc hóa học sử dụng không hợp lý gây:
- A. Mất cân bằng sinh thái      B. Xuất hiện quần thể dịch hại kháng thuốc  
C. Giảm năng xuất, chất lượng cây trồng      D. Cả a,b,c đều đúng
- Câu 5 :** Cơ chế gây hại ở chế phẩm vi khuẩn trừ sâu :
- A. Cơ thể sâu mềm nhũn      B. Cơ thể sâu trương lên  
C. Làm cơ thể sâu bị tê liệt và chết      D. Cơ thể sâu cứng lại và trắng ra như rắc bột
- Câu 6 :** Chế phẩm vi khuẩn trừ sâu là :
- A. Sử dụng chế phẩm từ vi khuẩn  
B. Sử dụng vi rút gây nhiễm trên cơ thể sâu  
C. Sử dụng vi khuẩn có tính thể protein độc ở giai đoạn bào tử gây bệnh cho sâu  
D. Sử dụng vi khuẩn gây bệnh
- Câu 7 :** Trong phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng, biện pháp hóa học được sử dụng khi :
- A. Có sâu bệnh      B. Dịch hại tới ngưỡng gây hại mà các biện pháp khác tỏ ra không hiệu quả  
C. Có nhiều sâu bệnh      D. Dịch hại gây hại lớn
- Câu 8 :** Nhược điểm của biện pháp kĩ thuật :
- A. Gây ô nhiễm môi trường      B. Không tiêu diệt được sâu bệnh khi chúng phát triển thành dịch hại  
C. Không tiêu diệt được sâu bệnh      D. Làm cây trồng bị yếu
- Câu 9 :** Nếu mức chênh lệch giữa doanh thu và chi phí là một số dương thì kinh doanh :
- A. Hòa vốn      B. Thua lỗ      C. Không xác định được      D. Có lãi
- Câu 10 :** Tác dụng của biện pháp kĩ thuật trong phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng :
- A. Phòng trừ sâu bệnh      B. Phòng ngừa sâu bệnh hại, giúp cây khỏe  
C. Làm sạch đồng ruộng      D. Không gây ô nhiễm môi trường
- Câu 11:** Phải phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng vì :

- A. Phát huy ưu điểm và khắc phục nhược điểm của mỗi biện pháp phòng trừ sâu, bệnh  
 B. Tiêu diệt sâu bệnh triệt để  
 C. Tạo ra sản phẩm sạch  
 D. Hạn chế ô nhiễm môi trường
- Câu 12:** Để hạn chế ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật cần :  
 A. Chỉ dùng thuốc khi dịch hại tới ngưỡng gây hại  
 B. Sử dụng thuốc có tính chọn lọc cao, phân hủy nhanh, đúng thuốc, đúng liều lượng  
 C. Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường  
 D. Cả 3 ý trên đều đúng
- Câu 13:** Hạch toán kinh tế là  
 A. Việc tính toán thị trường kinh doanh  
 B. Việc tính lợi nhuận  
 C. Việc tính toán chi phí và lợi nhuận  
 D. Việc tính toán chi phí và doanh thu
- Câu 14:** Loại côn trùng nào sau đây không phải là thiên địch  
 A. Chuồn chuồn  
 B. Châu chấu  
 C. Muồm muỗm  
 D. Bọ rùa
- Câu 15:** Mô hình cấu trúc đơn giản của tổ chức doanh nghiệp phù hợp với :  
 A. Doanh nghiệp lớn  
 B. Doanh nghiệp vừa và lớn  
 C. Hộ gia đình  
 D. Doanh nghiệp nhỏ
- Câu 16:** Mục đích của bảo tồn thiên địch:  
 A. Khống chế sâu bệnh  
 B. Tiêu diệt sâu bệnh  
 C. Tạo cân bằng sinh thái  
 D. Tăng năng xuất cây trồng
- Câu 17:** Doanh nghiệp có thể huy động vốn từ những nguồn nào ?  
 A. Vốn của chủ doanh nghiệp  
 B. Vốn vay  
 C. Vốn của nhà cung ứng  
 D. Cả 3 đáp án trên
- Câu 18:** Doanh nghiệp có thể thanh toán chậm đối với nhà cung ứng khi doanh nghiệp có :  
 A. Quy mô làm ăn lớn  
 B. Làm ăn phát đạt  
 C. Yêu cầu  
 D. Uy tín
- Câu 19:** Đặc trưng của cơ cấu tổ chức doanh nghiệp có ..... đặc trưng cơ bản :  
 A. 4  
 B. 5  
 C. 3  
 D. 2
- Câu 20:** Các dạng kho bảo quản :  
 A. Nhà kho  
 B. Nhà kho, kho silo, thùng chứa bằng tôn hoặc inôc  
 C. Nhà kho và kho silo  
 D. Kho silo

## II/ Phần tự luận:

- Để tạo ra sản phẩm nông nghiệp sạch, người nông dân cần làm gì?
- Em sẽ chọn nghề gì cho tương lai của mình? Vì sao?

## ĐÁP ÁN

|    |                                    |                                    |                                    |                                    |    |                                    |                                    |                         |                                    |    |                                    |                         |                                    |                                    |
|----|------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|----|------------------------------------|------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|----|------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|------------------------------------|
| 01 | <input type="radio"/> A            | <input checked="" type="radio"/> B | <input type="radio"/> C            | <input type="radio"/> D            | 11 | <input type="radio"/> A            | <input checked="" type="radio"/> B | <input type="radio"/> C | <input type="radio"/> D            | 21 | <input type="radio"/> A            | <input type="radio"/> B | <input type="radio"/> C            | <input checked="" type="radio"/> D |
| 02 | <input checked="" type="radio"/> A | <input type="radio"/> B            | <input type="radio"/> C            | <input type="radio"/> D            | 12 | <input checked="" type="radio"/> A | <input type="radio"/> B            | <input type="radio"/> C | <input type="radio"/> D            | 22 | <input type="radio"/> A            | <input type="radio"/> B | <input checked="" type="radio"/> C | <input type="radio"/> D            |
| 03 | <input checked="" type="radio"/> A | <input type="radio"/> B            | <input type="radio"/> C            | <input type="radio"/> D            | 13 | <input checked="" type="radio"/> A | <input type="radio"/> B            | <input type="radio"/> C | <input type="radio"/> D            | 23 | <input type="radio"/> A            | <input type="radio"/> B | <input type="radio"/> C            | <input checked="" type="radio"/> D |
| 04 | <input type="radio"/> A            | <input type="radio"/> B            | <input checked="" type="radio"/> C | <input type="radio"/> D            | 14 | <input type="radio"/> A            | <input type="radio"/> B            | <input type="radio"/> C | <input checked="" type="radio"/> D | 24 | <input checked="" type="radio"/> A | <input type="radio"/> B | <input type="radio"/> C            | <input type="radio"/> D            |
| 05 | <input type="radio"/> A            | <input type="radio"/> B            | <input type="radio"/> C            | <input checked="" type="radio"/> D | 15 | <input checked="" type="radio"/> A | <input type="radio"/> B            | <input type="radio"/> C | <input type="radio"/> D            | 25 | <input type="radio"/> A            | <input type="radio"/> B | <input checked="" type="radio"/> C | <input type="radio"/> D            |
| 06 | <input type="radio"/> A            | <input type="radio"/> B            | <input checked="" type="radio"/> C | <input type="radio"/> D            | 16 | <input type="radio"/> A            | <input type="radio"/> B            | <input type="radio"/> C | <input checked="" type="radio"/> D |    |                                    |                         |                                    |                                    |
| 07 | <input type="radio"/> A            | <input type="radio"/> B            | <input checked="" type="radio"/> C | <input type="radio"/> D            | 17 | <input type="radio"/> A            | <input checked="" type="radio"/> B | <input type="radio"/> C | <input type="radio"/> D            |    |                                    |                         |                                    |                                    |
| 08 | <input type="radio"/> A            | <input checked="" type="radio"/> B | <input type="radio"/> C            | <input type="radio"/> D            | 18 | <input type="radio"/> A            | <input type="radio"/> B            | <input type="radio"/> C | <input checked="" type="radio"/> D |    |                                    |                         |                                    |                                    |
| 09 | <input type="radio"/> A            | <input checked="" type="radio"/> B | <input type="radio"/> C            | <input type="radio"/> D            | 19 | <input checked="" type="radio"/> A | <input type="radio"/> B            | <input type="radio"/> C | <input type="radio"/> D            |    |                                    |                         |                                    |                                    |
| 10 | <input type="radio"/> A            | <input type="radio"/> B            | <input type="radio"/> C            | <input checked="" type="radio"/> D | 20 | <input type="radio"/> A            | <input type="radio"/> B            | <input type="radio"/> C | <input checked="" type="radio"/> D |    |                                    |                         |                                    |                                    |

**Chọn đáp án đúng duy nhất cho mỗi câu**

- Câu 1 :** Độ ẩm của hạt giống khi bảo quản trong điều kiện lạnh:
- A. Từ 40% - 45%      B. Từ 35%-40%      C. Từ 50% trở lên      D. Từ 85%- 90%
- Câu 2 :** Gạo tấm là:
- A. Gạo gãy  
B. Gạo được chế biến theo phương pháp truyền thống  
C. Gạo lúc được chuyển sang giai đoạn chế biến đặc biệt  
D. Gạo cao cấp
- Câu 3 :** Các phương pháp chế biến rau, quả:
- A. Đóng hộp, nước ép, sấy khô  
B. Đóng hộp, sấy khô, xiro, muối chua  
C. Đóng hộp, muối chua, sấy khô  
D. Đóng hộp, sấy khô, làm mứt, muối chua, nước uống
- Câu 4 :** Các phương pháp chế biến gạo từ thóc:
- A. Máy xay sát  
B. Cối giã, cối xay, máy xay sát có quả lô thép, máy xay sát công nghiệp  
C. Cối xay, máy xay  
D. Cối xay, cối giã, máy xay sát
- Câu 5 :** Các phương pháp bảo quản thóc, ngô:
- A. Đồ rời, xếp bao trong nhà kho, truyền thống, kho silo  
B. Đóng bao trong nhà kho, chum vại, thùng phuy  
C. Đóng bao trong nhà kho, kho silo  
D. Đồ rời thông gió tự nhiên hay có cào đảo, đóng bao trong nhà kho
- Câu 6 :** Quy trình: “ Thu hái → Chọn lựa → Làm sạch → Làm ráo nước → Bao gói → Bảo quản lạnh → Sử dụng ” là quy trình:
- A. Bảo quản lạnh      B. Chế biến rau quả  
C. Chế biến xiro      D. Chế biến rau quả tươi
- Câu 7 :** Sản phẩm nông, lâm, thủy sản được đưa đến người tiêu dùng với nhiều dạng khác nhau sau khi đã được:
- A. Bảo quản sản phẩm      B. Người bán đem đến  
C. Chế biến sản phẩm      D. Bảo quản, chế biến sản phẩm
- Câu 8 :** Gạo lật hay còn gọi là gạo lúc được tạo ra sau khi:
- A. Xát trắng      B. Xát vỏ      C. Tách trấu      D. Đánh bóng
- Câu 9 :** Độ ẩm của hạt thóc sau phơi sấy cần đạt:
- A. Nhỏ hơn 13%      B. 9%      C. 13%      D. 8%-9%
- Câu 10 :** Ý nghĩa của việc làm khô trong quy trình bảo quản hạt giống là
- A. Làm cho chín những hạt còn xanh khi thu hoạch.  
B. Diệt mầm bệnh, vi khuẩn.  
C. Làm giảm độ ẩm trong hạt.  
D. Làm tăng độ ẩm trong hạt.
- Câu 11 :** Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản nông, lâm, thủy sản:
- A. Nhằm bảo quản được lâu hơn  
B. Hạn chế tổn thất sản phẩm  
C. Nhằm duy trì những đặc tính ban đầu của nông, lâm, thủy sản, hạn chế tổn thất về số lượng và chất lượng nông, lâm, thủy sản  
D. Tăng chất lượng sản phẩm
- Câu 12 :** Hoạt động nào sau đây là bảo quản nông, lâm, thủy sản?
- A. Làm thịt hộp      B. Làm bánh chưng      C. Muối dưa cà.      D. Sấy khô thóc.
- Câu 13 :** Mục đích của bảo quản hạt giống:

- A. Hạn chế sinh vật gây hại
- B. Giữ được độ nảy mầm của hạt, hạn chế tổn thất về số lượng, chất lượng hạt giống
- C. Giữ được độ tươi ngon của hạt
- D. Giữ được độ thuần chủng của giống

**Câu 14 :** Quy trình: “ Thu hoạch → Tuốt, tẽ hạt → Làm sạch, phân loại → Làm khô → Làm nguội → Phân loại theo chất lượng → Bảo quản → Sử dụng ” là quy trình bảo quản:

- A. Sắn
- B. Khoai lang
- C. Hạt giống
- D. Thóc

**Câu 15 :** Đặc điểm của nông, thủy sản:

- A. Chứa hầu hết chất dinh dưỡng, nhiều nước, dễ bị vi sinh vật gây thối hỏng
- B. Cung cấp chất dinh dưỡng cho con người
- C. Chứa hầu hết chất dinh dưỡng, nhiều nước, dễ bị vi sinh vật gây thối hỏng, chứa nhiều chất xơ
- D. Chịu tác động mạnh của môi trường

**Câu 16 :** Các phương pháp chế biến từ lá chè sau:

- A. Chè xanh, chè đen
- B. Chè xanh
- C. Chè xanh, chè đỏ, chè đen, chè vàng
- D. Chè xanh, trà Ô long

**Câu 17 :** Công đoạn “ đánh bóng gạo ” trong chế biến gạo từ thóc có tác dụng:

- A. Giúp gạo trắng hơn
- B. Làm sạch cám giúp gạo bóng đẹp và bảo quản được lâu
- C. Làm sạch trấu
- D. Giúp gạo đẹp hơn

**Câu 18 :** Tiêu chuẩn hạt giống:

- A. Có chất lượng cao
- B. Giữ được độ nảy mầm của hạt
- C. Không sâu bệnh, thuần chủng, có chất lượng cao
- D. Thuần chủng

**Câu 19 :** Loại sinh vật nào sau đây không gây hại đối với sản phẩm nông sản khi bảo quản:

- A. Mối
- B. Mọt
- C. Bọ hà
- D. Chuột

**Câu 20 :** Xát trắng hạt gạo là:

- A. Làm sạch hoàn toàn cám bao quanh hạt gạo
- B. Làm hạt gạo trắng, đẹp
- C. Làm sạch vỏ cám bao quanh hạt gạo
- D. Làm sạch trấu dính trên hạt gạo

**Câu 21 :** Phương pháp bảo quản rau, hoa quả thường được sử dụng nhiều nhất ở Việt Nam:

- A. Bảo quản bằng hoá chất
- B. Bảo quản trong môi trường khí biến đổi
- C. Bảo quản lạnh
- D. Bảo quản ở điều kiện bình thường

**Câu 22 :** Quy trình chế biến gạo từ thóc:

- A. Làm sạch thóc → Xay → Tách trấu → Xát trắng → Đánh bóng → Bảo quản → Sử dụng
- B. Xay → Tách trấu → Xát trắng → Đánh bóng → Bảo quản
- C. Làm sạch thóc → Xay → Tách trấu → Xát trắng → Bảo quản → Sử dụng
- D. Làm sạch thóc → Xay → Tách trấu → Xát trắng → Đánh bóng → Bảo quản

**Câu 23 :** Những yếu tố ảnh hưởng đến nông, lâm, thủy sản trong quá trình bảo quản:

- A. Nhiệt độ môi trường, độ ẩm không khí
- B. Nhiệt độ môi trường, độ ẩm không khí và sinh vật gây hại
- C. Sinh vật gây hại
- D. Sâu bệnh hại

**Câu 24 :** Các dạng kho bảo quản thóc, ngô:

- A. Nhà kho, kho silo
- B. Nhà kho, chum vại
- C. Kho silo
- D. Nhà kho

**Câu 25 :** Loại quả sử dụng trong chế biến xiro từ quả thường có đặc điểm:

- A. Quả tươi ngon, không sâu bệnh, không giập nát
- B. Quả tươi ngon, không sâu bệnh
- C. Quả chua, không giập nát
- D. Có vị chua, quả chín, không sâu bệnh, không giập nát

**Câu 26 :** Hạt giống bảo quản ở điều kiện bình thường, thời gian bảo quản:

- A. Trên 20 năm      B. Dưới 20 năm      C. 1 năm      D. 1 năm đến 2 năm

**Câu 27 :** Lâm sản chứa chủ yếu là:

- A. Chất dinh dưỡng, chất xơ      B. Chất xơ  
C. Chất dinh dưỡng      D. Nước

**Câu 28 :** Các phương pháp bảo quản củ giống:

- A. Rải ra nền, bảo quản lạnh  
B. Bảo quản trong kho lạnh ở nhiệt độ 00C- 50C  
C. Xếp trong nhà kho, bảo quản bằng nuôi cấy mô tế bào  
D. Bảo quản ở điều kiện bình thường, trong kho lạnh và nuôi cấy mô tế bào

**Câu 29 :** Khi bảo quản rau, hoa quả tươi bằng phương pháp lạnh cần chú ý đến:

- A. Nhiệt độ và độ ẩm không khí      B. Chất lượng của rau, quả  
C. Bao gói sản phẩm      D. Chọn lọc quả

**Câu 30 :** Trong quy trình chế biến rau quả theo phương pháp đóng hộp bước ‘xử lý nhiệt’ có tác dụng là

- A. Làm mất hoạt tính các loại enzym      B. Tiêu diệt vi khuẩn  
C. Thanh trùng      D. Làm chín sản phẩm

--- Hết ---